

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1

SƠ GÓC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP HỆ TRUNG CẤP

Hình thức đào tạo: Chính quy

Quyết định công nhận tốt nghiệp số 492/QĐ-CDXD1 ngày 25 tháng 10 năm 2021

TT	Lớp	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	DT	QT	Năm tuyển sinh	Năm TN	Ngành/ nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	70X1	Tạ Vũ Minh Đức	31/10/2002	Nam	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Khá	T000934	01/TC/2021			
2	70X1	Đào Xuân Huy	12/05/2003	Nam	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Khá	T000935	02/TC/2021			
3	70X1	Nguyễn Quý Phát	08/01/2003	Nam	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Khá	T000936	03/TC/2021			
4	70X1	Nguyễn Huy Quân	04/06/2003	Nam	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Khá	T000937	04/TC/2021			
5	70X1	Nguyễn Văn Thành An	15/02/2003	Nam	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung bình	T000938	05/TC/2021			
6	70X1	Đỗ Văn Đại	21/09/2003	Nam	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung bình	T000939	06/TC/2021			
7	70X1	Nguyễn Đình Hoàng	02/09/2003	Nam	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung bình	T000940	07/TC/2021			
8	70X1	Nguyễn Việt Hùng	09/12/2003	Nam	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung bình	T000941	08/TC/2021			
9	70X1	Nguyễn Hữu Quang Huy	25/12/2003	Nam	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung bình	T000942	09/TC/2021			
10	70X1	Nguyễn Duy Khái	27/12/2003	Nam	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung bình	T000943	10/TC/2021			
11	70X1	Vũ Đình Nam	03/05/2003	Nam	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung bình	T000944	11/TC/2021			
12	70X1	Hoàng Minh Quân	01/09/2003	Nam	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung bình	T000945	12/TC/2021			
13	70X1	Lê Đức Thành	29/11/2003	Nam	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung bình	T000946	13/TC/2021			
14	70X1	Mai Minh Thuận	19/01/2000	Nam	Hải Phòng	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung bình	T000947	14/TC/2021			
15	70X1	Nguyễn Văn Tùng	17/12/2003	Nam	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung bình	T000948	15/TC/2021			
16	70X2	Phạm Đức Anh	13/01/2003	Nam	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung bình	T000949	16/TC/2021			



17	70X2	Nguyễn Đăng Tư	Đạt	25/12/2003	Nam	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung bình	T000950	17/TC/2021				
18	70X2	Đặng Đức	Hưng	04/02/2003	Nam	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung bình	T000951	18/TC/2021				
19	70X2	Từ Quang	Thịnh	22/07/1991	Nam	Lạng Sơn	Tây	Việt Nam	2018	2021	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Trung bình	T000952	19/TC/2021				
20	41KT1	Võ Đào Huệ	Ánh	15/12/2003	Nữ	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Kế toán doanh nghiệp	Khá	T000953	20/TC/2021				
21	41KT1	Phạm Quốc	Đạt	11/03/2002	Nam	Nam Định	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Kế toán doanh nghiệp	Khá	T000954	21/TC/2021				
22	41KT1	Lê Hoàng Uyên	Mi	28/10/2003	Nữ	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Kế toán doanh nghiệp	Trung bình	T000955	22/TC/2021				
23	41KT1	Đào Quang	Toán	15/07/2003	Nam	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Kế toán doanh nghiệp	Trung bình	T000956	23/TC/2021				
24	41KT1	Hoàng Hân	Ca	06/12/2003	Nữ	Hà Nội	Kinh	Việt Nam	2018	2021	Kế toán doanh nghiệp	Trung bình	T000957	24/TC/2021				

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2022

TRƯỞNG
CAO ĐẲNG
XÂY DỰNG SỐ 1

TS. Nguyễn Ngọc Châu

NG
SỐ 1

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY LIÊN THÔNG

Hình thức đào tạo: Chính quy liên thông

Quyết định công nhận tốt nghiệp số 136/QĐ-CBXĐ1 ngày 12 tháng 4 năm 2021

TT	Lớp	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	DT	QT	Năm tuyển sinh	Năm TN	Ngành/ nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	CX16LT	Phạm Trường Quân	21/09/1993	Nam	Tiền Hải - Thái Bình	Kinh	VN	2019	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Giỏi	C000689	01/CD/2021	01/06/21	Phạm Trường Quân	
2	CX16LT	Bùi Ngọc Nhật Anh	02/07/1997	Nam	Lý Nhân - Hà Nam	Kinh	VN	2019	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000690	02/CD/2021	02/06/21	Bùi Ngọc Nhật Anh	
3	CX16LT	Vũ Văn Hòa	15/02/1983	Nam	Hải Hậu - Nam Định	Kinh	VN	2019	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000691	03/CD/2021	03/06/21	Vũ Văn Hòa	
4	CX16LT	Lê Văn Hội	15/11/1992	Nam	Phú Thọ	Kinh	VN	2019	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000692	04/CD/2021	04/06/21	Lê Văn Hội	
5	CX16LT	Lê Phi Hiệp	20/08/1996	Nam	Đô Lương - Nghệ An	Kinh	VN	2019	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000693	05/CD/2021			
6	CX16LT	Vũ Văn Lương	10/08/1992	Nam	Nghệ An	Kinh	VN	2019	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000694	06/CD/2021	26/6/21	Vũ Văn Lương	
7	CX16LT	Trần Quang Nhã	06/02/1991	Nam	Nông Công - Thanh Hoá	Kinh	VN	2019	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000695	07/CD/2021	02/6/21	Trần Quang Nhã	
8	CX16LT	Hoàng Thanh Phương	29/06/1990	Nam	Yên Mỹ - Hưng Yên	Kinh	VN	2019	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000697	08/CD/2021	26/6/21	Hoàng Thanh Phương	
9	CX16LT	Nguyễn Văn Đạt	30/11/1991	Nam	Gia Lâm - Hà Nội	Kinh	VN	2019	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000698	09/CD/2021	21/6/21	Nguyễn Văn Đạt	



TS. Nguyễn Ngọc Thuần

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY LIÊN THÔNG

Hình thức đào tạo: Chính quy liên thông

Quyết định công nhận tốt nghiệp số 137/QĐ-CBXĐ1 ngày 12 tháng 4 năm 2021

TT	Lớp	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	DT	QT	Năm tuyển sinh	Năm TN	Ngành/ nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	CX17LT	Vương Quốc Việt	19/09/1985	Nam	Đông Anh - Hà Nội	Kinh	VN	2020	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000699	10/CD/2021	01/06/2021	Vương Quốc Việt	
2	CX17LT	Nguyễn Đình Trung	14/12/1991	Nam	Chương Mỹ - Hà Nội	Kinh	VN	2020	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000700	11/CD/2021	15/10/2021	Nguyễn Đình Trung	



TS. Nguyễn Ngọc Đức

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1

SỔ GÓC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

Hình thức đào tạo: Chính quy

Quyết định công nhận tốt nghiệp số 135/QĐ-CDXD1 ngày 12 tháng 4 năm 2021

TT	Lớp	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	DT	QT	Năm tuyển sinh	Năm TN	Ngành/ nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	CX18.1	Dương Quang Nghiễm	14/10/1995	Nam	Thanh Oai - Hà Nội	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000701	12/CD/2021	21/6/21	Nguyễn Văn Nghiễm	
2	CX18.2	Trương Tấn Dũng	10/04/1998	Nam	Y Yên - Nam Định	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000702	13/CD/2021	11/6/21	Trương Tấn Dũng	
3	CX18.2	Lê Hữu Điệp	12/05/1999	Nam	Ba Vì - Hà Nội	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000703	14/CD/2021	16/6/21	Lê Hữu Điệp	
4	CX18.2	Nguyễn Thế Hưng	01/02/1999	Nam	Kiến Xương - Thái Bình	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000704	15/CD/2021		Nguyễn Thế Hưng	
5	CX18.2	Trần Quang Vinh	26/09/1999	Nam	Hải Hậu - Nam Định	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000705	16/CD/2021	22/6/21	Trần Quang Vinh	
6	CX18.4	Nguyễn Văn Hiếu	19/06/1999	Nam	Lục Nam - Bắc Giang	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000706	17/CD/2021	23/6/21	Nguyễn Văn Hiếu	
7	CX18.4	Lại Văn Phong	23/02/1999	Nam	Đông Sơn - Thanh Hóa	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000707	18/CD/2021		Lại Văn Phong	
8	CX18.4	Phạm Đức Thịnh	26/06/1998	Nam	Trực Ninh - Nam Định	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000708	19/CD/2021	24/6/21	Phạm Đức Thịnh	
9	CX18.5	Vũ Văn Ánh	09/09/1999	Nam	Đông Hưng - Thái Bình	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000709	20/CD/2021		Vũ Văn Ánh	
10	CX18.6	Đặng Hoàng Huy	26/10/1999	Nam	Tiền Hải - Thái Bình	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000710	21/CD/2021		Đặng Hoàng Huy	
11	CX18.6	Trần Ngọc Sơn	09/04/1998	Nam	Bình Lục - Hà Nam	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000711	22/CD/2021	21/6/21	Trần Ngọc Sơn	
12	CX18.7	Nguyễn Văn Khanh	24/05/1999	Nam	Bình Lục - Hà Nam	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000712	23/CD/2021	18/6/21	Nguyễn Văn Khanh	
13	CX18.7	Trương Đức Khánh	11/05/1998	Nam	Hà Nội	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000713	24/CD/2021		Trương Đức Khánh	
14	CX19.1	Lê Văn Thanh	10/09/1993	Nam	Kỳ Anh - Hà Tĩnh	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000714	25/CD/2021		Lê Văn Thanh	

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2021
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1
 TS. Nguyễn Ngọc Châu

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

Hình thức đào tạo: Chính quy
Quyết định công nhận tốt nghiệp số 321/QĐ-CDXD1 ngày 12 tháng 7 năm 2021

TT	Lớp	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	DT	QT	Năm tuyển sinh	Năm TN	Ngành/ nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	CX19.1	Bùi Gia Long	03/12/1996	Nam	Quỳnh Phú - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Giỏi	C000715	26/CD/2021	06/10/2021	Phạm Gia Long	
2	CX19.1	Trương Công Đức	10/04/2000	Nam	Như Thanh - Thanh Hóa	Mường	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000716	27/CD/2021			
3	CX19.1	Nguyễn Ngọc Hà	17/10/2000	Nam	Mỹ Đức - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000717	28/CD/2021	09/10/2021	Nguyễn Ngọc Hà	
4	CX19.1	Phạm Văn Hải	20/09/2000	Nam	Nghĩa Hưng - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000718	29/CD/2021	18/10/2021	Phạm Văn Hải	
5	CX19.1	Vũ Văn Hải	01/08/2000	Nam	Triệu Sơn - Thanh Hóa	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000719	30/CD/2021			
6	CX19.1	Nguyễn Văn Tuấn	18/08/2000	Nam	Yên Phong - Bắc Ninh	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000720	31/CD/2021	09/11/2021	Nguyễn Văn Tuấn	
7	CX19.1	Lê Sơn Tùng	15/06/2000	Nam	Yên Lạc - Vĩnh Phúc	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000721	32/CD/2021	09/11/2021	Lê Sơn Tùng	
8	CX19.1	Nguyễn Đức Anh	20/10/2000	Nam	Nghĩa Hưng - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000722	33/CD/2021	09/11/2021	Nguyễn Đức Anh	
9	CX19.1	Lê Tiến Dũng	02/11/2000	Nam	Thái Thụy - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000723	34/CD/2021	25/10/2021	Lê Tiến Dũng	
10	CX19.1	Nguyễn Anh Đức	31/08/2000	Nam	Yên Định - Thanh Hóa	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000724	35/CD/2021			
11	CX19.1	Nguyễn Chiến Hữu	07/12/1999	Nam	Bắc Ninh	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000725	36/CD/2021	04/11/2021	Nguyễn Chiến Hữu	
12	CX19.1	Nguyễn Quang Linh	27/07/2000	Nam	Ba Vì - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000726	37/CD/2021	06/10/2021	Nguyễn Quang Linh	
13	CX19.1	Phạm Trọng Lợi	02/09/2000	Nam	Đông Anh - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000727	38/CD/2021	06/10/2021	Phạm Trọng Lợi	
14	CX19.1	Trần Đức Lương	11/05/2000	Nam	Tiền Hải - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000728	39/CD/2021	06/11/2021	Trần Đức Lương	
15	CX19.1	Lương Văn Nghiệp	27/08/2000	Nam	Nam Trực - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000729	40/CD/2021	31/11/2021	Lương Văn Nghiệp	
16	CX19.1	Hà Đình Thuận	01/11/2000	Nam	Sông Mã - Sơn La	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000730	41/CD/2021			
17	CX19.1	Nguyễn Quốc Trinh	08/09/2000	Nam	Tiền Hải - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000731	42/CD/2021	04/11/2021	Nguyễn Quốc Trinh	
18	CX19.1	Hoàng Văn Tuấn	16/06/2000	Nam	Như Thanh - Thanh Hóa	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000737	43/CD/2021			
19	CX19.1	Nguyễn Thanh Tùng	11/01/2000	Nam	Ba Vì - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000738	44/CD/2021	18/10/2021	Nguyễn Thanh Tùng	
20	CX19.1	Vũ Hải Thuận	06/01/2000	Nam	Hải Hậu - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000739	45/CD/2021			

TT	Lớp	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	DT	QT	Năm tuyển sinh	Năm TN	Ngành/ nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
21	CX19.1	Trần Văn Biển	03/10/1999	Nam	Yên Thành - Nghệ An	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000740	46/CD/2021			
22	CX19.2	Khương Bá Hòa	04/11/2000	Nam	Thọ Xuân - Thanh Hóa	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Giỏi	C000741	47/CD/2021	24/10/2021	Flot Khương Bá Hòa	
23	CX19.2	Chu Đức Trường	29/11/2000	Nam	Ba Vì - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Giỏi	C000742	48/CD/2021			
24	CX19.2	Đỗ Anh Tuấn	26/10/1994	Nam	Thái Thụy - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Giỏi	C000743	49/CD/2021			
25	CX19.2	Phạm Hồng Cương	19/10/2000	Nam	Kiến Xương - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000744	50/CD/2021	7/11/2021	Phạm Hồng Cương	
26	CX19.2	Phùng Hữu Đạo	19/09/2000	Nam	Quê Vô - Bắc Ninh	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000745	51/CD/2021	11/10/2021	Phùng Hữu Đạo	
27	CX19.2	Trần Phong Hào	06/06/2000	Nam	Thanh Oai - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000746	52/CD/2021	18/10/2021	Trần Phong Hào	
28	CX19.2	Nguyễn Đình Tấn	16/12/1997	Nam	Vĩnh Bảo - Hải Phòng	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000747	53/CD/2021			
29	CX19.2	Hoàng Xuân Trường	17/09/1998	Nam	Cẩm Khê - Phú Thọ	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000748	54/CD/2021	21/11/2021	Hoàng Xuân Trường	
30	CX19.2	Phạm Thế Duyệt	23/09/2000	Nam	Tiền Hải - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000749	55/CD/2021	05/11/2021	Phạm Thế Duyệt	
31	CX19.2	Phạm Minh Đức	26/03/2000	Nam	Yên Mô - Ninh Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000750	56/CD/2021	18/11/2021	Phạm Minh Đức	
32	CX19.2	Nguyễn Hữu Hiệu	07/05/2000	Nam	Thường Tín - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000751	57/CD/2021	18/11/2021	Nguyễn Hữu Hiệu	
33	CX19.2	Hoàng Văn Long	09/07/2000	Nam	Bình Giả - Lạng Sơn	Nùng	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000752	58/CD/2021			
34	CX19.2	Dương Đức Mạnh	28/11/2000	Nam	Thị xã Hòa - Thanh Hóa	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000753	59/CD/2021	05/10/2021	Dương Đức Mạnh	
35	CX19.2	Vũ Công Minh	16/02/2000	Nam	Lạng Giang - Bắc Giang	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000754	60/CD/2021	14/10/2021	Vũ Công Minh	
36	CX19.2	Trần Thanh Sơn	22/09/2000	Nam	Tiền Hải - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000755	61/CD/2021	18/11/2021	Trần Thanh Sơn	
37	CX19.2	Phạm Thanh Tâm	22/06/2000	Nam	TP Ninh Bình - Ninh Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000760	62/CD/2021			
38	CX19.2	Phạm Minh Thụy	04/10/2000	Nam	Tiền Hải - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000761	63/CD/2021	14/10/2021	Phạm Minh Thụy	
39	CX19.2	Lê Quang Trung	01/03/2000	Nam	Quỳnh Phụ - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000762	64/CD/2021	05/11/2021	Lê Quang Trung	
40	CX19.2	Vũ Lam Trường	23/03/2000	Nam	Hà Trung - Thanh Hóa	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000763	65/CD/2021			
41	CX19.2	Hoàng Anh Tuấn	16/10/2000	Nam	Kiến Xương - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000764	66/CD/2021			
42	CX19.3	Nguyễn Văn Nam	17/03/2000	Nam	Quảng Xương - Thanh Hóa	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000765	67/CD/2021	15/11/2021	Nguyễn Văn Nam	

TT	Lớp	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	DT	QT	Năm tuyển sinh	Năm TN	Ngành/ nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bảng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
43	CX19.3	Nguyễn Thiên Tiến	18/10/2000	Nam	Hoài Đức - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000766	68/CD/2021	05/11/21	Đào Văn Tuấn	
44	CX19.3	Đào Văn Tuấn	12/09/2000	Nam	Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000767	69/CD/2021	05/11/21	Đào Văn Tuấn	
45	CX19.3	Lê Quang Anh	27/11/2000	Nam	Vũ Thư - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000768	70/CD/2021		Nguyễn Văn Chính	
46	CX19.3	Nguyễn Văn Chính	10/10/2000	Nam	Thuận Thành - Bắc Ninh	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000769	71/CD/2021	11/11/21	Nguyễn Văn Chính	
47	CX19.3	Nguyễn Văn Hùng	09/12/2000	Nam	Mỹ Đức - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000770	72/CD/2021			
48	CX19.3	Bùi Văn Hưng	15/04/2000	Nam	Sơn Dương - Tuyên Quang	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000771	73/CD/2021			
49	CX19.3	Nguyễn Quang Khải	19/09/1999	Nam	Sông Mã - Sơn La	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000772	74/CD/2021	05/11/21	Nguyễn Quang Khải	
50	CX19.3	Nguyễn Văn Linh	12/08/2000	Nam	Kinh Môn - Hải Dương	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000773	75/CD/2021			
51	CX19.3	Trần Văn Nam	19/03/1999	Nam	Trực Ninh - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000774	76/CD/2021	03/11/21	Trần Văn Nam	
52	CX19.3	Lưu Hữu Quang	22/10/2000	Nam	Chương Mỹ - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000775	77/CD/2021			
53	CX19.3	Đỗ Hoài Sơn	03/07/2000	Nam	Ý Yên - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000776	78/CD/2021			
54	CX19.3	Dương Văn Tài	24/06/2000	Nam	Trực Ninh - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000777	79/CD/2021			
55	CX19.3	Nguyễn Hữu Thắng	20/07/2000	Nam	Tiền Hải - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000778	80/CD/2021	9/11/21	Nguyễn Hữu Thắng	
56	CX19.3	Trần Đức Thắng	29/12/1999	Nam	Phù Thọ	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000779	81/CD/2021	6/10/21	Trần Đức Thắng	
57	CX19.3	Lê Văn Tuyển	18/12/2000	Nam	Thái Thụy - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000780	82/CD/2021	11/11/21	Lê Văn Tuyển	
58	CX19.3	Lê Đức Tuynh	14/11/2000	Nam	Hưng Hà - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000781	83/CD/2021	8/11/21	Lê Đức Tuynh	
59	CX19.3	Đỗ Viết Thuận	03/10/2000	Nam	Thuận Thành - Bắc Ninh	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000782	84/CD/2021	01/11/21	Đỗ Viết Thuận	
60	CX19.4	Lê Văn Hưng	21/12/2000	Nam	Ứng Hòa - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000783	85/CD/2021	12/11/21	Lê Văn Hưng	
61	CX19.4	Nguyễn Văn Vinh	17/08/2000	Nam	Hiệp Hòa - Bắc Giang	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000784	86/CD/2021			
62	CX19.4	Nguyễn Hữu Cường	03/01/2000	Nam	Ý Yên - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000785	87/CD/2021	24/11/21	Nguyễn Hữu Cường	
63	CX19.4	Bùi Trường Sơn	09/12/2000	Nam	Đông Hưng - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000786	88/CD/2021	25/10/21	Bùi Trường Sơn	
64	CX19.4	Nguyễn Đức Khánh Tùng	08/03/2000	Nam	Quốc Oai - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000787	89/CD/2021			

TT	Lớp	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	DT	QT	Năm tuyển sinh	Năm TN	Ngành/ nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
65	CX19.5	Nguyễn Khắc Bảo	10/08/2000	Nam	Quỳnh Lưu - Nghệ An	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Giỏi	C000788	90/CD/2021	8/11/2021	Báo Nguyễn Khắc Bảo	Đào
66	CX19.5	Nguyễn Anh Dũng	12/06/2000	Nam	Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000789	91/CD/2021	21/12/2021	Dũng Nguyễn Anh Dũng	
67	CX19.5	Nguyễn Hải Đạt	10/10/2000	Nam	Thái Thụy - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000790	92/CD/2021			
68	CX19.5	Vũ Minh Đức	04/07/1999	Nam	Lục Nam - Bắc Giang	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000791	93/CD/2021			
69	CX19.5	Nguyễn Văn Tuấn	19/04/1992	Nam	TP Bắc Giang - Bắc Giang	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000792	94/CD/2021	8/11/2021	Tuấn Nguyễn Văn Tuấn	
70	CX19.5	Lê Văn Tùng	10/11/2000	Nam	Lạng Giang - Bắc Giang	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000793	95/CD/2021			
71	CX19.5	Hoàng Minh Đức	18/12/2000	Nam	Nghĩa Hưng - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000794	96/CD/2021			
72	CX19.5	Nguyễn Công Khánh	02/09/2000	Nam	Yên Sơn - Tuyên Quang	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000795	97/CD/2021	2/11/2021	Khánh Nguyễn Công Khánh	
73	CX19.5	Đỗ Đức Việt	27/03/2000	Nam	Vụ Bản - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000796	98/CD/2021			
74	CX19.6	Nguyễn Đình Anh	26/07/1997	Nam	Thái Thụy - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000797	99/CD/2021			
75	CX19.6	Nguyễn Văn Chung	23/12/1998	Nam	Thanh Oai - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000798	100/CD/2021			
76	CX19.6	Ngô Duy Đồng	03/08/1995	Nam	Ứng Hòa - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000799	101/CD/2021			
77	CX19.6	Nguyễn Hoài Nam	09/09/2000	Nam	Quý Hợp - Nghệ An	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000800	102/CD/2021	5/11/2021	Nam Nguyễn Hoài Nam	
78	CX19.6	Nguyễn Đức Thái	28/12/2000	Nam	Thanh Oai - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000801	103/CD/2021	1/11/2021	Thái Nguyễn Đức Thái	
79	CX19.6	Nguyễn Bá Đồng	27/02/1998	Nam	Ba Vì - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000802	104/CD/2021			
80	CX19.6	Lê Xuân Tiến	07/09/1993	Nam	Kiến Xương - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000803	105/CD/2021	13/10/2021	Tiến Lê Xuân Tiến	
81	CX19.6	Võ Quang Hiếu	01/04/1994	Nam	Hương Sơn - Hà Tĩnh	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000804	106/CD/2021	21/10/2021	Hiếu Võ Quang Hiếu	
82	CX19.6	Nguyễn Văn Long	12/11/1999	Nam	Vân Giang - Hưng Yên	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000805	107/CD/2021	21/11/2021	Long Nguyễn Văn Long	
83	CX19.6	Lê Đức Hoàng	30/06/1997	Nam	Gia Lai	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000806	108/CD/2021			
84	CX19.6	Bùi Quang Linh	04/09/2000	Nam	Bình Phước	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000807	109/CD/2021	25/10/2021	Linh Bùi Quang Linh	
85	CX19.6	Hồ Quang Linh	28/09/1999	Nam	Đoan Hùng - Phú Thọ	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000808	110/CD/2021	21/11/2021	Linh Hồ Quang Linh	
86	CX19.6	Trần Quý Long	14/09/2000	Nam	Lạng Sơn	Nùng	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000809	111/CD/2021			

TT	Lớp	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	DT	QT	Năm tuyển sinh	Năm TN	Ngành/ nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
87	CX19.6	Vũ Văn Thư	14/04/1993	Nam	Sông Mã - Sơn La	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000810	112/CD/2021			
88	CX19.6	Nguyễn Văn Trường	21/10/2000	Nam	Nam Truc - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000811	113/CD/2021	2/11/2021	Nguyễn Văn Trường	
89	CX19.6	Nguyễn Thanh Sáng	17/02/1995	Nam	Tứ Kỳ - Hải Dương	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000812	114/CD/2021			
90	CX19.6	Nguyễn Hải Dương	17/12/1998	Nam	Thanh Trì - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000813	115/CD/2021	25/11/2021	Nguyễn Hải Dương	
91	CK7.1	Đặng Minh Tiến	09/09/1993	Nam	Quảng Yên - Quảng Ninh	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	Giỏi	C000868	116/CD/2021	21/10/2021	Đặng Minh Tiến	
92	CK7.1	Chu Tuấn Anh	07/12/2000	Nam	Thạch Thất - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	Khá	C000815	117/CD/2021	21/10/2021	Chu Tuấn Anh	
93	CK7.1	Đỗ Văn Chuyên	31/03/2000	Nam	Thường Tín - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	Khá	C000816	118/CD/2021	21/10/2021	Đỗ Văn Chuyên	
94	CK7.1	Phạm Văn Dũng	14/03/2000	Nam	Chương Mỹ - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	Khá	C000817	119/CD/2021	25-10-21	Phạm Văn Dũng	
95	CK7.1	Lương Sỹ Nguyên	06/02/1996	Nam	Cao Bằng	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	Khá	C000818	120/CD/2021	21/10/2021	Lương Sỹ Nguyên	
96	CK7.1	Phạm Thanh Phong	05/10/2000	Nam	Hoài Đức - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	Khá	C000819	121/CD/2021	21/10/2021	Phạm Thanh Phong	
97	CK7.1	Dương Tuấn Anh	01/08/2000	Nam	Ứng Hòa - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	Khá	C000820	122/CD/2021	21/10/2021	Dương Tuấn Anh	
98	CK7.1	Bùi Anh Minh	26/05/2000	Nam	Trực Ninh - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	Khá	C000821	123/CD/2021			
99	CK7.1	Lê Tiến Hùng	05/06/1997	Nam	Phước Thọ - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	Khá	C000822	124/CD/2021	21/10/2021	Lê Tiến Hùng	
100	CK7.1	Vũ Trương An	01/08/2000	Nam	Trực Ninh - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	Trung bình	C000823	125/CD/2021			
101	CK7.1	Nguyễn Đức Hưng	26/01/2000	Nam	Nhọ Quan - Ninh Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	Trung bình	C000824	126/CD/2021	21/10/2021	Nguyễn Đức Hưng	
102	CK7.1	Trần Văn Sơn	07/09/2000	Nam	Hải Hậu - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	Trung bình	C000825	127/CD/2021	21/10/2021	Trần Văn Sơn	
103	CK7.1	Tô Văn Thuận	06/08/2000	Nam	Tiền Hải - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	Trung bình	C000826	128/CD/2021			
104	CK7.1	Đoàn Văn Diễm	03/11/2000	Nam	Nam Truc - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	Trung bình	C000827	129/CD/2021			
105	CKT16.1	Ngô Thị Thủy Dung	13/03/2000	Nữ	Đông Anh - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Giỏi	C000828	130/CD/2021	21/10/2021	Ngô Thị Thủy Dung	
106	CKT16.1	Phí Thị Kiều Ngân	14/07/2000	Nữ	Chương Mỹ - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Giỏi	C000829	131/CD/2021			
107	CKT16.1	Nguyễn Thị Vui	20/01/1999	Nữ	Hải Hậu - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Giỏi	C000830	132/CD/2021	19/10/2021	Nguyễn Thị Vui	
108	CKT16.1	Hoàng Xuân Ánh	30/10/1999	Nam	Chí Linh - Hải Dương	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Khá	C000831	133/CD/2021			

TT	Lớp	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	DT	QT	Năm tuyển sinh	Năm TN	Ngành/ nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
109	CKT16.1	Nguyễn Ngọc Châm	27/07/2000	Nữ	Phú Thọ	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Khá	C000832	134/CD/2021	6/10/2021	Châm Nguyễn Ngọc Châm	
110	CKT16.1	Đỗ Thị Duyên	19/05/1998	Nữ	Chương Mỹ - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Khá	C000833	135/CD/2021	14/10/2021	Đỗ Thị Duyên	
111	CKT16.1	Đoàn Hồng Hào	11/12/2000	Nữ	Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Khá	C000834	136/CD/2021	14/10/2021	Đoàn Hồng Hào	
112	CKT16.1	Quần Thị Minh Hòa	17/11/2000	Nữ	Ứng Hòa - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Khá	C000835	137/CD/2021	18/10/2021	Quần Thị Minh Hòa	
113	CKT16.1	Nguyễn Thị Lan Hương	08/03/2000	Nữ	Ý Yên - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Khá	C000836	138/CD/2021	14/10/2021	Nguyễn Thị Lan Hương	
114	CKT16.1	Trần Đình Lương	29/07/2000	Nam	Vụ Bản - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Khá	C000837	139/CD/2021	20/10/2021	Trần Đình Lương	
115	CKT16.1	Đào Thị Tuyết Mai	16/11/2000	Nữ	Quốc Oai - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Khá	C000838	140/CD/2021	27/10/2021	Đào Thị Tuyết Mai	
116	CKT16.1	Hoàng Thị Hồng Nhung	28/08/1997	Nữ	Ba Vì - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Khá	C000839	141/CD/2021	20/10/2021	Hoàng Thị Hồng Nhung	
117	CKT16.1	Phạm Thị Minh Phương	08/01/2000	Nữ	Mỹ Hòa - Hưng Yên	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Khá	C000840	142/CD/2021	19/10/2021	Phạm Thị Minh Phương	
118	CKT16.1	Phi Thị Hoài Thu	02/07/2000	Nữ	Thạch Thất - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Khá	C000841	143/CD/2021	06/10/2021	Phi Thị Hoài Thu	
119	CKT16.1	Nguyễn Thị Viên	24/09/2000	Nữ	Mỹ Đức - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Khá	C000842	144/CD/2021			
120	CKT16.1	Nguyễn Hoàng Huy	28/08/1995	Nam	Ninh Bình	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Khá	C000843	145/CD/2021			
121	CKT16.1	Phạm Nhật Minh	04/12/1995	Nam	Thái Thụy - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Khá	C000844	146/CD/2021	22/10/2021	Phạm Nhật Minh	
122	CKT16.1	Hoàng Thị Huyền Trang	07/09/2000	Nữ	Ba Vì - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Khá	C000845	147/CD/2021	18/10/2021	Hoàng Thị Huyền Trang	
123	CKT16.1	Nguyễn Thị Hằng	21/07/2000	Nữ	Mỹ Đức - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Khá	C000846	148/CD/2021	11/10/2021	Nguyễn Thị Hằng	
124	CKT16.1	Trần Thị Thủy Ninh	21/05/1999	Nữ	Đoàn Hùng - Phú Thọ	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Khá	C000847	149/CD/2021			
125	CKT16.1	Đoàn Hoàng Anh	08/05/2000	Nam	Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Trung bình	C000848	150/CD/2021			
126	CKT16.1	Bế Xuân Việt	08/05/2000	Nam	Hòa An - Cao Bằng	Tây	VN	2018	2021	Kế toán	Trung bình	C000849	151/CD/2021	28/10/2021	Bế Xuân Việt	
127	CKT16.1	Chu Quang Yên	17/02/1999	Nam	Sơn La	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Trung bình	C000850	152/CD/2021	19/10/2021	Chu Quang Yên	
128	CKX17.1	Bùi Thế Chiêu	31/01/2000	Nam	Ý Yên - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Quản lý xây dựng	Khá	C000851	153/CD/2021	21/10/2021	Bùi Thế Chiêu	
129	CKX17.1	Nguyễn Thị Hồng	08/05/1999	Nữ	Yên Mô - Ninh Bình	Kinh	VN	2018	2021	Quản lý xây dựng	Khá	C000852	154/CD/2021	17/11/2021	Nguyễn Thị Hồng	
130	CKX17.1	Hoàng Trọng Nghĩa	29/10/1996	Nam	Bắc Ninh	Tây	VN	2018	2021	Quản lý xây dựng	Khá	C000853	155/CD/2021	11/11/2021	Hoàng Trọng Nghĩa	

TT	Lớp	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	DT	QT	Năm tuyển sinh	Năm TN	Ngành/ nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
131	CKX17.1	Tạ Thị Quỳnh	25/07/2000	Nữ	Chương Mỹ - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Quản lý xây dựng	Khá	C000854	156/CD/2021			
132	CKX17.1	Nguyễn Thị Thâm	21/04/2000	Nữ	Thuận Thành - Bắc Ninh	Kinh	VN	2018	2021	Quản lý xây dựng	Khá	C000855	157/CD/2021			
133	CKX17.1	Phạm Phú Thịnh	10/01/2000	Nam	Ứng Hòa - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Quản lý xây dựng	Khá	C000856	158/CD/2021	13/10/2021	Thịnh	Phạm Phú Thịnh
134	CKX17.1	Cao Thị Trang	10/09/1999	Nữ	Hải Lặc - Thanh Hóa	Kinh	VN	2018	2021	Quản lý xây dựng	Khá	C000857	159/CD/2021			
135	CKX17.1	Nguyễn Văn Vương	21/08/2000	Nam	Thanh Thủy - Phú Thọ	Kinh	VN	2018	2021	Quản lý xây dựng	Khá	C000858	160/CD/2021	15/11/2021	WV	Nguyễn Văn Vương
136	CKX17.1	Ngô Tiến Dương	08/12/1993	Nam	Kinh Môn - Hải Dương	Kinh	VN	2018	2021	Quản lý xây dựng	Khá	C000859	161/CD/2021	11/11/2021	TD	Ngô Tiến Dương
137	CKX17.1	Nguyễn Hoàng Hải	01/02/1996	Nam	Ba Đình - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Quản lý xây dựng	Khá	C000860	162/CD/2021	14/10/2021	HL	Nguyễn Hoàng Hải
138	CKX17.1	Nguyễn Thanh Bình	16/09/1999	Nam	Đan Phượng - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Quản lý xây dựng	Trung bình	C000861	163/CD/2021	11/10/2021	Bình	Nguyễn Thanh Bình
139	CKX17.1	Nguyễn Xuân Bình	10/10/2000	Nam	Kiến Xương - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Quản lý xây dựng	Trung bình	C000862	164/CD/2021	11/11/2021	Bình	Nguyễn Xuân Bình
140	CKX17.1	Phạm Thu Trang	11/07/2000	Nữ	Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Quản lý xây dựng	Trung bình	C000863	165/CD/2021	11/11/2021	Trang	Phạm Thu Trang
141	CKX17.1	Lê Khắc Trung	20/08/2000	Nam	Nông Cống - Thanh Hóa	Kinh	VN	2018	2021	Quản lý xây dựng	Trung bình	C000864	166/CD/2021			
142	CX18.5	Trần Minh Quang	03/11/1999	Nam	Sông Mã - Sơn La	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000865	167/CD/2021			



TS. Nguyễn Ngọc Đức

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

Hình thức đào tạo: Chính quy

Quyết định công nhận tốt nghiệp số 322/QĐ-CDXD1 ngày 12 tháng 7 năm 2021

TT	Lớp	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	DT	QT	Năm tuyển sinh	Năm TN	Ngành/ nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	CX20.1	Nguyễn Văn Nam	01/11/1998	Nam	Hải Hậu - Nam Định	Kinh	VN	2019	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000866	168/CD/2021	28/11/2021	Nguyễn Văn Nam	
2	CKX18	Dương Tuấn Vũ	23/09/1997	Nam	Hà Nội	Kinh	VN	2019	2021	Quản lý xây dựng	Trung bình	C000867	169/CD/2021			

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Ngọc Chức

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1

SỔ GÓC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

Hình thức đào tạo: Chính quy

Quyết định công nhận tốt nghiệp số 410/QĐ-CDXD1 ngày 27 tháng 9 năm 2021

TT	Lớp	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	DT	QT	Năm tuyển sinh	Năm TN	Ngành/ nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	CKX16	Lương Ngọc Thắng	16/11/1996	Nam	Sóc Sơn - Hà Nội	Kinh	VN	2017	2021	Quản lý xây dựng	Trung bình	C000869	170/CD/2021			
2	CKX17	Nông Khánh Toàn	05/12/2000	Nam	TP Cao Bằng - Cao Bằng	Tây	VN	2018	2021	Quản lý xây dựng	Trung bình	C000870	171/CD/2021	2022/13/11	Phuoc Long (K.T)	
3	CKT16	Nguyễn Thị Lê	14/02/1999	Nữ	Triệu Sơn - Thanh Hóa	Kinh	VN	2018	2021	Kế toán	Khá	C000871	172/CD/2021			
4	CX18.1	Bùi Văn Lợi	13/03/1999	Nam	Thanh Chương - Nghệ An	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000872	173/CD/2021	02/11/2022	Lợi Bùi Đình	
5	CX18.2	Hoàng Văn Long	25/08/1999	Nam	Yên Dũng - Bắc Giang	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000873	174/CD/2021	18/11/2021	Long Hoàng Văn	
6	CX18.3	Nguyễn Minh Tiến	02/07/1999	Nam	Nga Sơn - Thanh Hóa	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000874	175/CD/2021			
7	CX18.4	Vũ Minh Tuấn	22/11/1999	Nam	Ý Yên - Nam Định	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000875	176/CD/2021			
8	CX18.7	Nguyễn Thành Luân	12/01/1999	Nam	Thường Tín - Hà Nội	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000876	177/CD/2021	13/11/2022	Ng - Luân Thành Luân	
9	CX18.7	Bùi Đức Mạnh	04/06/1998	Nam	Kiến Xương - Thái Bình	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000877	178/CD/2021	13/11/2022	Mạnh Bùi Đức Mạnh	
10	CX18.7	Đỗ Đức Thiện	12/12/1999	Nam	Phù Xuyên - Hà Nội	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000878	179/CD/2021	13/11/2022	Thiện Đỗ Đức	
11	CX18.7	Nguyễn Hữu Quân	13/01/1998	Nam	Đông Anh - Hà Nội	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000879	180/CD/2021			
12	CX19.1	Đinh Công Đức	18/09/2000	Nam	Phúc Thọ - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000880	181/CD/2021	30/11/2021	Đức Đinh Công Đức	
13	CX19.1	Nguyễn Văn Kiều	07/09/2000	Nam	Như Thanh - Thanh Hóa	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000881	182/CD/2021	21/12/2021	Kiều Nguyễn Văn Kiều	
14	CX19.2	Nguyễn Mạnh Long	26/11/2000	Nam	Vân Lâm - Hưng Yên	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000882	183/CD/2021			
15	CX19.3	Nguyễn Văn Huy	15/07/1999	Nam	Mỹ Đức - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000883	184/CD/2021			
16	CX19.4	Đỗ Trung Anh	12/07/1997	Nam	Đak Lak	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000884	185/CD/2021	11/12/2022	ICT. Anh Đỗ Trung Anh	

TT	Lớp	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	DT	QT	Năm tuyển sinh	Năm TN	Ngành/ nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
17	CX19.4	Nguyễn Ngọc Long	07/02/2000	Nam	Bảo Yên - Lào Cai	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000885	186/CD/2021			
18	CX19.4	Trần Đại Nghĩa	22/11/2000	Nam	Hung Hà - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000886	187/CD/2021			
19	CX19.5	Vũ Công Lâm	24/09/1997	Nam	Tiến Lữ - Hưng Yên	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000887	188/CD/2021	12/01/2022	Nguyễn Văn Lâm	
20	CX19.6	Cao Trí Công	03/12/2000	Nam	Sơn La	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000888	189/CD/2021			
21	CX19.6	Hoàng Văn Tiến	08/04/2000	Nam	Yên Dũng - Bắc Giang	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000889	190/CD/2021			

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2021
HIỆP TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
XÂY DỰNG SỐ 1
TS. Nguyễn Ngọc Bích
 NG
 ẮNG
 16 SỐ 1

BỘ XÂY DỰNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG XÂY DỰNG SỐ 1

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

Hình thức đào tạo: Chính quy

Quyết định công nhận tốt nghiệp số 556/QĐ-CDXD1 ngày 06 tháng 12 năm 2021

TT	Lớp	Họ và tên người học	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	DT	QT	Năm tuyển sinh	Năm TN	Ngành/ nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Ngày nhận bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	CX18.3	Nguyễn Ngọc Tiến	01/11/1998	Nam	Chương Mỹ - Hà Nội	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000890	191/CD/2021			
2	CX18.3	Khúc Minh Quân	19/10/1998	Nam	Thái Thụy - Thái Bình	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000891	192/CD/2021			
3	CX18.3	Trần Hoàng Long	04/11/1998	Nam	Nam Trực - Nam Định	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000892	193/CD/2021	26/01/2022	Lưu/Trần Hoàng Long	
4	CX18.4	Đặng Đình Cường	27/08/1999	Nam	Hà Đông - Hà Nội	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000893	194/CD/2021			
5	CX18.4	Bùi Văn Tiến	11/09/1999	Nam	Đồng Triều - Quảng Ninh	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000894	195/CD/2021			
6	CX18.4	Nguyễn Văn Thanh	26/01/1999	Nam	Kim Động - Hưng Yên	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000895	196/CD/2021			
7	CX18.6	Đặng Hồng Phong	24/12/1998	Nam	Thạch Thất - Hà Nội	Kinh	VN	2017	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000896	197/CD/2021			
8	CX19.1	Nguyễn Văn Đạo	26/08/2000	Nam	Thọ Xuân - Thanh Hóa	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000897	198/CD/2021			
9	CX19.1	Nguyễn Viết Đạt	16/07/2000	Nam	Vân Chấn - Yên Bái	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	C000898	199/CD/2021			
10	CX19.1	Đỗ Văn Đức	08/01/2000	Nam	Hải Hậu - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000899	200/CD/2021			
11	CX19.1	Nguyễn Minh Phú	30/11/2000	Nam	Sóc Sơn - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000900	201/CD/2021			
12	CX19.2	Mai Anh Chiến	20/10/2000	Nam	Nga Sơn - Thanh Hóa	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000901	202/CD/2021			
13	CX19.2	Cao Việt Cường	06/10/2000	Nam	Hưng Hà - Thái Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000902	203/CD/2021			
14	CX19.2	Vũ Hải Linh	06/09/2000	Nam	Yên Bình - Yên Bái	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000903	204/CD/2021			
15	CX19.3	Nguyễn Văn Long	24/09/1999	Nam	Mê Linh - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000904	205/CD/2021			
16	CX19.3	Đỗ Như Nam	13/11/2000	Nam	Hoài Đức - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000905	206/CD/2021			
17	CX19.3	Nguyễn Quang Ninh	11/02/2000	Nam	Khoái Châu - Hưng Yên	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000906	207/CD/2021	12/01/2022	Ninh N. Q. Ninh	



18	CX19.3	Nguyễn Thanh Tuấn	13/09/2000	Nam	Hà Đông - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000907	208/CD/2021			
19	CX19.3	Dương Quốc Tuấn	29/05/2000	Nam	Ỡ Yên - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000908	209/CD/2021			
20	CX19.4	Bùi Tuấn Anh	12/09/2000	Nam	Ninh Bình	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000909	210/CD/2021			
21	CX19.4	Nguyễn Tiến Đạt	17/08/2000	Nam	Bắc Từ Liêm - Hà Nội	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000910	211/CD/2021			
22	CX19.4	Đào Phương Đông	03/12/1999	Nam	Tứ Kỳ - Hải Dương	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000911	212/CD/2021			
23	CX19.4	Lưu Quốc Huyền	18/02/1999	Nam	Nam Trưc - Nam Định	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000912	213/CD/2021			
24	CX19.4	Nguyễn Trọng Khang	23/03/2000	Nam	Tiền Lãng - Hải Phòng	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000913	214/CD/2021	13/12/2022	Khai ngay (r. s. s. k. l. y)	
25	CX19.4	Đoàn Văn Mạnh	01/08/2000	Nam	Yên Thành - Nghệ An	Kinh	VN	2018	2021	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	Trung bình	C000914	215/CD/2021			

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2022
HIỆP TRƯỞNG
TRƯỜNG
CAO ĐẲNG
XÂY DỰNG SỐ 1
(Chữ ký)
TS. Nguyễn Ngọc Chức